

LÁ THƠ “ LÝ BÁ SƠ ”



Ls,Thiếu Tá NGÔ VĂN TIỆP

Lời Phi Lộ: Để đáp ứng với sự thương mến của một số đồng môn và thân hữu muốn biết thêm về đời sống “học tập cải tạo”, người viết xin được đăng lá thư viết cho các bạn cùng trại.

Các Chiến Hữu thân mến,

Đã mấy chục năm qua, thật lâu nhưng cũng thật mau đúng như câu “Thời gian như bình cầu qua cửa sổ”! Nhiều lần tôi muốn viết thư để chia sẻ và cảm ơn các chiến hữu “đồng hành trên con đường đấu tranh” tại trại cải tạo Lý Bá Sơ. Một phần vì còn ám ảnh sự theo dõi của bọn “ăn-ten” trong tiềm thức, một phần vì mỗi lần nghĩ đến sinh hoạt trong trại thời đó đối với tôi như một cơn ác mộng.

Đêm mùng 9 tháng giêng năm 1979, hình ảnh một người tù cải tạo bị còng 2 tay ra đằng sau, đi theo vết đèn pin của một tên công an Việt Cộng dẫn đường và một tên công an khác đi theo với khẩu súng dài sẵn sàng nhả đạn. Trên con đường mòn tiến sâu vào núi Mảnh tỉnh Thanh Hóa, giữa đêm khuya không một bóng người. Đặc biệt là được nghe tiếng vọng từ trong trại của các Anh Em trong trại “Yêu cầu thả Chí, Tiệp, Lạc”. Thóang xa thấy như có những toán người di chuyển. Cứ như thế, tôi bị dẫn đi gần như suốt đêm hôm đó, lòng cầu nguyện cho các chiến hữu đủ nghị lực để vượt qua những cảm ghô do “bọn chúng” gây ra và mong cho gia đình mình cùng gia đình các chiến hữu được “chúng” để cho sống yên ổn nơi quê nhà, còn phần cá nhân



m i n h
c h á p
nhận tất
cả. Nếu
mình có
ra đi thì
vẫn còn
C h í ,

Lạc và các chiến hữu. Điều an ủi lớn là có tất cả trên 500 bạn đồng hành đang đồng lòng với việc mình làm và đang đồng hô to “Yêu cầu thả Chí, Tiệp, Lạc”. Toàn trại bắt đầu một cuộc tuyệt thực trong trại cải tạo để đòi thả 3 đồng đội “Chí, Tiệp, Lạc”.

Xin viết ở đây để tri ân các chiến hữu đồng hành đấu tranh và đề tưởng niệm đến những chiến hữu đã hy sinh tại trại Lý Bá Sơ cũng như tại các nơi khác vì lý tưởng tự do và dân chủ.

Bây giờ chúng ta mới có thể chia sẻ với nhau những gì đã xảy ra và những mất mát mà chúng ta đã phải chấp nhận.

Nói về đời sống trong các trại cải tạo của Việt Cộng, thì đã quá nhiều người viết. Riêng anh em chúng ta ngay từ ngày nhập trại vào tháng 5 năm 1975 đã chịu sự cai quản của bọn công an Việt Cộng, lẽ dĩ nhiên cách đối đãi khác nghiệt hơn đối với các trại cải tạo do bộ đội Việt Cộng quản lý. Nhiều người chết vì bị hành hạ, đối và kiệt sức. Chúng ta là Cảnh Sát của Việt Nam Cộng Hòa nên bọn Việt Cộng xếp chúng ta vào loại “ác ôn và có nợ máu với nhân dân”. Chính vì thế mà chúng đã áp dụng một chính sách trả thù rõ rệt. Nghĩ lại, chúng ta càng nên hãnh diện phải không các bạn ?

Tôi còn nhớ rõ là: chúng không cho chúng ta viết thư mà chỉ cho viết vài chữ như lời nhắn mà không được nói ở đâu, hoặc không được nói sức khỏe kém. Điều khôi hài là mặc dầu đang bị tù tội và hành hạ mà trong thư luôn phải có câu “cảm ơn Cách Mạng” đã cho được “học tập cải tạo”. Ngày thì đi lao động khổ sai, đập đá trên núi, kiếm củi trong rừng, tối thì ngồi kiểm thảo.

Địa điểm đầu tiên là trại cải tạo Long Thành, rồi Quảng Ninh. Khi Trung Quốc đánh 6 tỉnh miền

bắc, họ chuyển chúng ta về trại Lý Bá Sơ sát Núi Mảnh tỉnh Thanh Hóa .

Đây là cứ địa mà khi xưa Lê Lợi khởi nghĩa, địa thế rất hiểm trở. Nơi đây có núi Mảnh cao và rừng sâu âm u, có cầu Chày nước độc. Dân ở đây có câu “cầu Chày cá chày đứt đuôi” có nghĩa là con cá chày qua nơi đây cũng bị nước độc chảy mạnh đến nỗi đứt cả đuôi , để ám chỉ nước đã quá độc. Hơn thế nữa, còn có sự khắc nghiệt về khí hậu và địa thế.

Tại nơi đây, anh em đã chết nhiều, vì thiếu ăn, lao động khổ sai giữa trời, thời tiết lúc thì nóng quá, lúc thì lạnh quá, dãi nắng dầm mưa, nên kiệt sức. Ngoài ra còn bị cùm kẹp dưới nhiều hình thức như: kiên giam, kỷ luật trong phòng kỷ luật hay kỷ luật trong phòng tối. Thậm chí có những người chết lúc nào mà không ai hay, khi bị kêu đi lao động, mới phát hiện là đã không còn thở từ lâu. Con số người chết cao hơn các trại cải tạo khác. Tổng cộng lên tới trên 50 người tức là trên 10% tổng số 500 người trong trại.

Hai cảnh ngậm ngùi được thấy trong lúc đi lao động mà chẳng ai quên được:

-Một người đàn bà kéo cây thay con trâu và giống như con trâu. Đối với họ, đây là một sự cải tiến của “Cách Mạng”, người kéo cây thay súc vật. Tôi còn nhớ khi mới đến trại, trước giờ đi lao động, một tên cán bộ kêu: “hai anh theo tôi đi lấy 2 xe “cải tiến” đi chở đá” ai cũng tưởng là có một loại xe đặc biệt nào đó để chở đá. Nào ngờ 2 người bạn của chúng ta khi trở lại phải kéo 2 cái xe bò. Lúc đó anh em mới hiểu : xe bò trước kia do bị kéo, nay có “sự cải tiến” là người kéo thay bò.

-Một cảnh khác, một tên cán bộ ngồi trên bờ ruộng vất vẻo với cái điều cây nhả khói thuốc lào, người vợ thì đang lội bùn để bắt từng con cua dưới ruộng. Hỏi ra mới biết đây là “văn minh của cái rồn vũ trụ loài người”, và như thế là dân chủ vì hôm qua người chồng làm công việc đó rồi thì hôm nay đến phiên người vợ làm không cần quan tâm đến khả năng và sức khỏe của người đàn bà. Người đàn bà trông ra thật là già, miệng móm, tóc bạc, hỏi ra mới 31 tuổi. Tối hôm đó, nhiều anh em xụi xùi nhưng không giám khóc vì sợ bị kiểm điểm. Phần vì thương người, phần vì thương cho vợ mình nơi quê nhà, đa số nếu tính đến ngày đó phần lớn là mới trên dưới 30. Ai cũng nghĩ hình ảnh vợ mình ngày nay nhờ “Cách Mạng Giải Phóng” chắc cũng như vậy.

Tôi còn nhớ rõ, hôm đó ở phân trại B, sau bữa ăn chiều vì anh em phải ăn sắn luộc (khoai mì) cả vỏ nên say nằm la liệt vì chất độc của vỏ củ sắn . Anh Cao Văn Bảy lúc đó làm nhà trưởng kêu cán bộ trại tới và yêu cầu cho ăn sắn phải lột vỏ để tránh ngộ độc. Hôm sau một số Anh Em không đi lao động được vì bị nhiễm chất độc của vỏ sắn. Ban trực trại nhượng bộ tạm thời và ra lệnh cho nhà bếp lột vỏ sắn trước khi luộc, để tìm bắt những người mà chúng cho là cầm đầu anh em .

Trước hết là chúng bắt anh Nguyễn Hữu Thời vì trong một buổi đi làm về anh Thời đã mang trong người một số lá tre. Khi bị khám xét và hỏi lấy lá tre về trại để làm gì ? Anh Thời trả lời là lấy lá tre về để ăn vì đói quá. Chúng cho là anh ta sách động chống đối và bôi xấu chế độ.

Sau đến, chúng bắt anh Cao Văn Bảy vì chúng cho là đã cầm đầu vụ yêu cầu lột vỏ sắn. Cả hai người đều bị biệt giam ở một chỗ khác (mỗi người một nơi). Sau đó, chúng có thay đổi là sắn được lột vỏ trước khi luộc. Một biện pháp được áp dụng là chúng cho biên chế lại các đội (“từ biên chế” này của Việt Cộng có nghĩa là thay đổi phòng và thay đổi đội) và lọc các thành phần mà chúng coi là cứng đầu cho vào một đội trong đó có tôi, Chí và Lạc. Anh Trần Văn Chí, Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Vĩnh Bình, Anh Lê Quảng Lạc, Sĩ Quan Tỉnh Báo Sở Tỉnh Báo Trung Ương. Còn tôi, Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Saigon rồi mới gia nhập ngành Cảnh Sát nên chúng cho là tôi làm việc cho CIA của Mỹ. Khi ở đội biệt lập, Lạc hay chui vào mừng tôi hỏi các vấn đề về luật pháp, nhân quyền, công ước Geneve và đồng thời bàn bạc về việc tranh đấu của anh em. Bọn “ăng-ten” biết và báo cáo là tôi thường nói chuyện và bàn bạc với Lạc vào ban đêm nên tôi và Lạc luôn bị theo dõi.

Các buổi tối lại bắt buộc tiếp tục kiểm thảo và phê bình. Tôi được anh em yêu cầu làm biên bản và ghi chép các đề nghị của anh em.

Tôi còn nhớ tôi đã ghi chép các vấn đề yêu cầu trại cho viết thư, cho gia đình thăm nuôi và gửi quà, và trước mắt là yêu cầu cải thiện chế độ ẩm thực. Lúc đó ý kiến của tôi là những đòi hỏi chúng ta chỉ là những đòi hỏi về quyền căn bản của một một tù nhân chính trị và yêu cầu ban giám thị sớm giải quyết. Biên bản họp nào cũng yêu cầu trại cho biết hiện giam giữ Anh Cao Văn Bảy và anh Nguyễn

Hữu Thời ở đâu.

Tôi nào chúng cũng bắt học và kiểm điểm và có công an đứng ở cửa sổ. Chúng thấy không yên nên lại một lần biên chế và chuyển tất cả về phân trại C. Kỳ này chúng tách Lạc và tôi ra và chuyển Lạc sang một đội khác, còn tôi và Chí chúng còn để cùng một đội. Lúc đó là vào khoảng ngày 7 tháng giêng năm 1979. Khi sang trại này, chúng bắt học tập nội quy.

Tôi lại tiếp tục ghi biên bản các ý kiến của anh em, tiếp tục ghi các yêu cầu cũ chưa được trại giải quyết. Ý kiến của tôi lúc đó là chúng ta không cần học nội quy vì nội quy lúc đó là nội quy dùng cho tù hình sự. Yêu cầu phải có một nội quy khác dùng cho tù nhân chính trị là chúng ta. Tôi có yêu cầu trại phải áp dụng công ước quốc tế đối với các tù binh chiến tranh là chúng ta. Tất cả đều đồng ý với đề nghị của tôi là không chịu học tập nội quy lúc đó vì là nội quy của các tội phạm hình sự và ngày hôm sau bắt đầu không chịu đi lao động vì tù chính trị không phải đi lao động.

Gần bữa cơm chiều, cán bộ kêu tôi đi và gọi là “lên Ban giám thị làm việc”. Tại một căn phòng ở ngoài trại chúng bắt tôi viết kiểm điểm những điều làm trong trại nhất là các đòi hỏi của tôi và anh em. Tôi đã viết những yêu cầu của các anh em và của tôi và kết luận đó là những yêu cầu chính đáng.

Sau này tôi mới biết là bạn Chí cũng bị kêu đi sau tôi một khoảng thời gian ngắn.

Tại một phòng khác, trong cuộc kiểm điểm và học nội quy, bạn Lạc đòi phải có sự hiện diện của cán bộ quân giáo mới chịu học tập nội quy. Tên cán bộ quân giáo đứng bên ngoài phòng nghe vậy, xông vào bảo ngưng không học tập chi nữa. Cũng tới giờ cơm chiều, Lạc bị kêu lên văn phòng, mọi người tưởng có người thăm nuôi Lạc.

Đến 9 giờ anh em trong phòng của tôi không thấy tôi và Chí về, liền đồng thanh hô to “yêu cầu thả Chí, Tiệp”. Tại phòng của Lạc, anh em mới vỡ lẽ là Lạc cũng bị bắt và tại đây, bạn Tùng làm ống loa kêu lớn để các buồng nghe rõ và hưởng ứng hô to “Yêu cầu thả Chí, Tiệp, Lạc”. Và từ đó tất các buồng thuộc phân trại C đề hô to “Yêu cầu thả Chí, Tiệp, Lạc”. Toàn trại tất cả các buồng tổng cộng trên 500 anh em đồng hô to lời yêu cầu trên. Đồng thời một đề nghị của bạn Tô Hòa Dương là thông báo cho các buồng là ngày hôm sau không ra khỏi phòng

để điểm danh và tuyệt thực cho tới khi các anh em Chí, Tiệp, Lạc được trả về phòng. Các buồng đều đồng ý làm theo. Tiếng hô to của toàn trại tù chính trị làm chúng kinh ngạc. Sau này biết rõ là chúng phải di chuyển đám tù hình sự ở khu vực bên cạnh tới một nơi khác, đồng thời chúng huy động thêm quân đội và công an đến bao vây khu của chúng ta để đề phòng nổi loạn.

Đêm đó, ngày mùng 9 tháng giêng năm 1979, tôi nhớ là Việt Cộng đang đánh chiếm Campuchia và 2 ngày sau chúng chiếm được Nam Vang. Như trên tôi đã viết là lúc đó tôi chỉ nghe tiếng hô vang của anh em, còn những tiếng ồn ào ngoài trại là tiếng chúng di chuyển tù hình sự và tăng cường quân đội và công an để bao vây trại của chúng ta để đề phòng nổi loạn. Tôi bị dẫn đi vào miền núi Mảnh trên con đường mòn đầy cây cối hai bên, giữa lúc tôi đang cầu nguyện thì bỗng có một chiếc xe gắn máy trên xe có 2 người có lẽ là công an ở một nơi khác đến đuổi theo và kêu tên công an cầm đèn bấm nói nhỏ. Ngay sau đó tôi được dẫn qua một ngã rẽ và đi độ một tiếng đồng hồ sau về một nơi mà sau này mới biết là phòng kỷ luật của tù hình sự phân trại B. Sau khi cùm cả hai tay và hai chân, chúng vút cho tôi một cái chặn và tôi thiếp đi vì đi quá lâu ngoài sương đêm và bị quá lạnh. Tới trưa hôm sau một tên tù hình sự và tên cán bộ chuyển tôi lên một căn buồng bề ngang độ 90 cm và dài độ 2 m. Đó là một phòng kho cạnh một phòng tù hình sự. Chúng để một tấm ván độ 60 cm và dài gần bằng chiều dài của phòng. Trên ván có đóng một thanh sắt để cùm chân. Tuần lễ đầu cùm cả hai tay lẫn hai chân. Hai tay cùm vào nhau và quặt ra đằng sau, còn hai chân thì cùm vào thanh sắt ngang. Lúc đó tôi phải nằm sấp. Chỉ được mở cùm tay 2 lần một ngày vào lúc ăn. Tên tù hình sự, lúc không có cán bộ, y nói: Bộ Công An Nội Vụ không về kịp thì anh hai bị bắn đêm hôm qua rồi. Chính một số công an ở trại còn nói nhiều về ý định của trại định bắn cả Chí, Tiệp, Lạc đêm đó. Cuối cùng chúng cũng giết được Lê Quảng Lạc sau khi chích một mũi thuốc chữa bệnh. Tôi được biết Lạc bị giam một khoảng thời gian thì thả về đội và sau lại bị giam lại vì một lá thư viết về nhà nói cho gia đình biết việc tranh đấu của trại. Chúng giam Lạc một thời gian rồi cho ra lao động và khi bị đuổi sức phải xuống bệnh xá nằm thì anh em được tin Lạc chết sau

khi chích “thuốc chữa bệnh”.

Phần tôi, bị giam gần một năm trong phòng tối và mỗi tháng được chúng cho ra tắm một lần, vẫn đề vệ sinh chúng cho sử dụng một cái ống “bương” (giống như ống tre nhưng to hơn) để cả tiêu và tiểu. Ngày một “gô” nước vừa để uống và vừa để rửa. Hai lần một ngày, mỗi lần chúng cho ăn một chén (người bắc gọi là cái bát nhỏ bằng sành) hột mạch với nước muối hoặc một củ khoai lang. Chúng sợ dùng muối hạt để phá còng nên chỉ cho nước muối. Khi giam được độ 3 tháng thì nghe có tiếng la ở một buồng kho bên cạnh (sau này tôi mới biết phòng này kích thước như phòng của tôi và cũng không có cửa sổ gì và cũng tối om như phòng của tôi.). Đêm đó tôi bắt đầu liên lạc bằng dấu “morse” gõ vào tường thì được biết đó là một tù hình sự tên là Quang và anh ta là đàn anh trong một nhóm hình sự đang tuyệt thực để chống đối lại sự đối xử tàn bạo của cán bộ trại. Hai ngày sau, Quang muốn tôi giúp đỡ bằng cách tiếp nước cho Quang. Tôi đồng ý, đúng lúc Quang khoét qua tường được một lỗ nhỏ chỉ có thể đưa qua vừa một chiếc đũa. Hằng đêm khi có tiếng gõ hiệu ở tường, Quang truyền sang phòng tôi một ống nylon (có lẽ Quang dấu được là vì là một cái vòng của một cái mũ đem theo). Tôi để ống đó vào “gô” mà tôi để dành ½ “gô” nước để Quang hút. Khoảng 7 ngày sau, Quang tuyệt thực mà không sao, tên cán bộ trực trại ngạc nhiên và nghi ngờ nên xét phòng của tôi nhưng may mắn chúng không tìm ra được gì. Ba ngày sau Quang vẫn không sao và tôi lại bị xét phòng lần nữa, nhưng cũng không tìm ra. Đến buổi chiều hôm đó Quang được đem ra khỏi chỗ giam đó. Trưa hôm sau, tên “thi đua” hình sự đem cơm cho tôi báo cho tôi biết là Quang đã bị kẻ thù đóng đinh vào mắt và chết đêm hôm qua. Thì ra cái nham hiểm của cán bộ là đưa Quang về phòng nhốt chung với bọn có thù với Quang và đã bị thanh toán.

Tôi không nhớ rõ có một lần trong thời gian tôi bị cùm ở nhà kho, một tên hình sự có nhét vào khe cửa cho tôi một lá thư do tay Lạc viết: “Tiệp ơi! Lạc đã gặp Bộ Nội Vụ và nhận là tranh đấu cho nhân quyền và chấp nhận tù 10 đến 15 năm”. Rồi không liên lạc được cho đến lúc nghe tin Lạc chết tại bệnh xá sau khi mũi chích thuốc chữa bệnh.

Trở lại vấn đề tuyệt thực trong trại như dự trù là toàn trại bắt đầu từ sáng hôm sau. Được độ 3 ngày thì anh em kiệt sức và có hai người phản bội

anh em và giả bộ lên văn phòng để trình kiến nghị, nhưng thực ra là để xin tị nạn và báo cáo lập công. Khi cán bộ trại nắm được tình hình nhờ hai tên “an-ten”, chúng tăng cường thêm công an địa phương đến từng phòng luà hết ra và bắt làm đơn xin ăn cơm, nhưng anh em không chịu làm đơn. Chúng liền bắt dần đi khoảng 50 anh em đi qua trại B. Một số anh em trong số này bị đem xuống phòng kỷ luật cùm, số còn lại bị nhốt tại một buồng cạnh phòng giam của tôi.

Qua lỗ khe cửa tôi nhìn thấy anh em nhưng anh em không nhìn thấy tôi. Tôi còn nhớ mỗi khi anh em đi lao động về lại kêu tôi “bác Ti ơi! Bác Ti ơi”, và nói các tin tức bên ngoài để an ủi tôi.

Cũng thời gian này vợ tôi và 2 cháu ra thăm. Chúng cho một tên tù hình sự nói qua khe cửa: Anh hai ơi, chị và 2 cháu ra thăm, khóc quá mà chúng không cho thăm. Tới giờ cơm trưa hôm đó, tên cán bộ trực trại cố ý để cửa lâu và không nói một lời nào và chỉ chờ tôi xin cho vợ con thăm. Tôi suy nghĩ: nếu mình xin chúng sẽ cho nhưng chúng sẽ có điều kiện với mình hoặc là phải nhận tội lỗi hoặc là khai báo những điều bất lợi cho anh em. Do đó tôi quyết định không xin và tên cán bộ cũng không nói gì. Kết quả là sau khi chờ hai ngày chúng không cho thăm và cũng không cho gửi một tí quà nào, nhà tôi và các cháu đành phải ra về. Qua mấy ngàn cây số lặn lội mới tới nơi mà vợ không được thấy mặt chồng, con không được thấy mặt cha. Lúc đó dù rất khổ đau nhưng tôi không ân hận về chuyện này và các chiến hữu buồng bên cũng đồng ý

Bạn Chí bị nhốt một thời gian khá lâu thì chúng mới cho về đội.

Một thời gian sau thì chúng đem tôi xuống trại kỷ luật phân trại B nhốt với anh Ngọc, anh Khôi, anh Thời, anh Cương, anh Thông, anh Sinh.

Suốt thời gian tôi bị giam ở phòng tối, chúng theo dõi sự liên lạc của tôi với các anh em và xem tôi có cùng anh em làm điều gì nữa không. Chính vì thế mà chúng nhốt tôi ở một phòng cạnh phòng của các bạn bị đưa từ trại C qua. Chúng chỉ chờ tôi xin khai báo, nhưng tôi không hề nói hay xin chúng một điều gì.

Khoảng 9 tháng sau thì chúng đem tôi về nhốt tại trại kỷ luật ở phân trại A, nơi đây tôi đã nghe thấy hai phòng hai bên là phòng nhốt anh Cao Văn Bảy và Nguyễn Hữu Thời.

Đến tháng thứ 12, lúc đó sức đã quá yếu, mắt đã mờ chỉ còn da bọc xương. Vì nằm quá lâu, khi đứng lên máu khó khăn trong việc lưu thông nên không thể đứng vững và không thể còn sức để đi được. Một cán bộ công an bộ nội vụ vào thăm và thấy vậy ra lệnh cho cán bộ trực trại mở còng chân nhưng vẫn còn nhốt ở phòng kỷ luật.

Từ lúc đó, hàng ngày chúng cho tôi cố gắng tập đi ở phần sân trong khu kỷ luật. Mỗi ngày tôi tập đi bằng cách vịn vào bờ tường lê chân dần dần.

Sau 2 tháng, bắt đầu đi hơi vững, tôi bắt đầu phải làm việc (từ này của chúng là tra hỏi và khai báo) với chúng. Việc đầu tiên là phải trả lời tên cán bộ bộ nội vụ những câu hỏi sau đây:

Cán Bộ: Anh là một trong 2 luật sư của Cảnh Sát Ngụy phải không?

Đáp: Đúng

Cán Bộ: Vậy anh phải giữ tư cách luật sư của chế độ Saigon để nói chuyện với tôi, anh nghe chưa ?

Đáp: Tôi nghe .

Cán Bộ: Anh còn làm việc cho CIA không?

Đáp: Tôi không bao giờ làm việc cho CIA .

Cán Bộ: Anh có xin tha kỷ luật không?

Đáp: Không, vì tôi đang bị kỷ luật, tôi xin cũng vô ích.

Cán Bộ: Anh lãnh đạo anh em chống đối phải không?

Đáp: Tôi không lãnh đạo ai, mà cũng không ai lãnh đạo được tôi. Nếu miền Nam chúng tôi chịu một người lãnh đạo duy nhất thì không có ngày nay.

Cán Bộ: Việc làm của anh trong thời gian qua có đúng không?

Đáp: Đúng, vì chúng tôi đã yêu cầu nhà bếp phải cải thiện chế độ dinh dưỡng cho anh em. Nhà bếp có thay đổi và như vậy chúng tôi đã làm đúng.

Sau đó hàng ngày chúng bắt tôi lên văn phòng viết kiểm điểm về những sinh hoạt của chúng ta. Tôi chỉ viết những điều công khai mà chúng đã thấy của anh em mình mà thôi. Tôi còn lợi dụng dịp này để viết về đời sống của Cảnh Sát Việt Nam Cộng Hòa Saigon được đãi ngộ đầy đủ và bao giờ cuối bài tôi cũng không quên thêm vào một câu để chúng dễ chấp nhận bài của tôi mà chúng không biết là câu này lại có tính cách mỉa mai. Câu đó là: “vì thế nên tôi không có “ tinh thần cách mạng” như

cán bộ”. Đến phần tôi viết về “Cảnh tiếp vụ” của Việt Nam Cộng Hòa, chúng đọc say sưa nhưng sự thật là tôi viết có tính cách tuyên truyền nên chúng không cho viết nữa. Khi chúng bắt tôi ngưng viết thì chúng đã đọc quá nhiều rồi.

Đến đầu tháng giêng năm 1980, chúng đưa tôi về trại A thuộc đội mấy người hành chánh cao cấp của chế độ Saigon cũ. Tên cán bộ nội vụ nói anh còn yếu lắm nên tôi cho anh về đội người già chỉ lao động nhẹ thôi và sẽ được chích thuốc bổ.

Khi đến bệnh xá để chích thuốc, y tá là một tù nhân hình sự, vừa tới anh ta nói ngay: Đàn em của thằng Quang bên phân trại B đã nói với em về anh hai đã giúp thằng Quang, mặc dầu nó bị đâm chết nhưng tụi em vẫn nhớ ơn anh. Thuốc này tên là Philatop do bộ nội vụ đưa về để đặc biệt chích cho anh hai. Mỗi lần tới anh hai chỉ cần ký là có chích rồi, anh hai hiểu chứ. Đúng lúc đó có người đi tới nên tôi vội ký và được dẫn về đội. Và cứ như thế trong vòng 2 tháng xuống bệnh xá tìm cách kín đáo để ký vào sổ là có chích thuốc rồi. Đến đây chắc bạn đã hiểu: nếu không có câu chuyện “Quang hình sự” thì tôi đã đi theo Lạc rồi. Điều này xảy ra vào tháng giêng năm 1980

Điều lạ là cũng tháng giêng năm 2001, tôi bị mổ tim “surgery open heart” và bypass 4 ống. Trước khi mổ, bác sĩ nói là tôi ở trong tình trạng còn 1% hy vọng sống, lúc đó tưởng đã đi gặp Lạc rồi, nhưng có lẽ Lạc không muốn gặp tôi mà muốn tôi tiếp tục làm những điều Lạc mong muốn khi còn ở trong trại

Các chiến hữu thân mến, hôm nay tôi cảm thấy vui vì đã có dịp viết để cảm ơn các chiến hữu và hãnh diện về tinh thần bất khuất và đoàn kết hiểm quý của chúng ta

Đêm nay là đêm 29 tháng 4 năm 2005, tôi vừa ở Khu Hội Tù Nhân Chính Trị dự Lễ Tưởng Niệm Ngày Quốc Hận 30 tháng 4. Mọi người đều hướng về tưởng niệm các anh hùng tử sĩ đã hy sinh vì lý tưởng dân chủ tự do, chắc chắn trong đó có các chiến hữu của chúng ta đã hy sinh trong trại Lý Bá Sơ. Nếu như Lạc biết được điều này, tôi tin rằng Lạc sẽ ngậm cười nơi chín suối.

Thân ái kính chào các chiến hữu..../.

San Jose, 29 tháng 4 năm 2005

Ls NGÔ VĂN TIỆP

VĨNH BIỆT L.S. NGÔ VĂN TIỆP



NGUYỄN VĂN BÌNH

Sáng thứ ba ngày 14-4-2026, chị Ls Phạm Thị Ngọc Trân gọi điện thoại báo tin cho tôi là Ls Ngô Văn Tiệp mới qua đời lúc 10 giờ sáng. Tôi vội gọi Ls Ngô Văn Quang là bào huynh của Ls Tiệp để hỏi thêm chi tiết thì chị Ngô Văn Quang xác nhận là đúng. Chị Quang cho biết anh Ngô Văn Tiệp được đưa vào nhà thương Regional Medical Center trên đường Jackson, San Jose vào ngày thứ tư 8-4-2026 tuần trước vì phổi có nước. Chị Quang cho biết chưa có Cáo Phó, anh Tiệp thọ 88 tuổi và tang lễ của anh sẽ được tổ chức tại nghĩa trang Oakhill, San Jose. Chị Quang cũng cho biết sức khỏe của anh Tiệp đã không tốt vì bệnh tim trong mấy năm qua. Riêng hiền thê của anh Tiệp là chị Lê Minh Chúc tình trạng sức khỏe cũng xấu lắm.

Tin Ls Ngô Văn Tiệp là một trong ba vị cố vấn cho Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali. và là người thứ sáu trong số các thành viên của GĐLKBC qua đời là một tin buồn. Anh Tiệp ra đi không những là một nỗi đau buồn to lớn cho chị Chúc, các con, các cháu, thân nhân của anh mà còn cho các bạn đồng môn Luật Khoa và cho cộng đồng người Việt Quốc Gia tại San Jose.

Được biết Ls Ngô Văn Tiệp sanh năm 1939 tại Hà Đông, di cư vào Nam năm 1955 và sinh sống tại Sài Gòn. Anh tốt nghiệp cử



nhân Luật
tại trường
L uậ t
S a i g o n
vào năm
1962, đi
tập sự luật
sư tại văn
phòng Ls
D ư o n g
T á n
Trương,
h à n h
nghề luật
sư và gia
nhập vào
n g à n h

Cảnh Sát Quốc Gia với cấp bậc thiếu tá. Sau biến cố Quốc Hận 30-4-1975, anh và gia đình bị kẹt lại VN. Anh bị CSVN bắt đi tù khổ sai từ Nam ra Bắc, suýt bị chúng xử bắn hai lần. Việc này ảnh hưởng đến sức khỏe của anh rất nhiều. Sau này, anh và gia đình qua Mỹ theo diện H.O.

Khi Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali được thành lập vào tháng 5 năm 2010 tại San Jose, Cali. tôi đã mời anh Ls Ngô Văn Tiệp vào làm Cố Vấn cho Hội.

Trong suốt thời gian Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali hoạt động, anh chị Ngô Văn Tiệp luôn hòa mình với anh chị em trong hội. Anh chị Tiệp thích đi du lịch và thường xuyên có mặt trong các buổi sinh hoạt của hội.

Ls Ngô Văn Tiệp đã chịu khó đóng góp các bài cho Đặc San Luật Khoa: Nhiệm Vụ Của Dự Thẩm, Vụ án Tín Nghĩa Ngân Hàng, Công Tố Quyền, Luật Lưu Thông, Tư Đại Mỹ Nhân, Lá Thư Lý Bá Sơ v.v..

Trong lần tổ chức kỷ niệm Anniveraries cho các cặp vợ chồng thành viên của Gia Đình Luật Khoa vào năm 2014, Ls Ngô Văn Tiệp đã nhắc lại những kỷ niệm đẹp của vợ chồng anh. Anh Tiệp cho biết tại Hà Nội, anh học trên chị

Chúc một lớp và anh thấy yêu mến chị Chúc ngay ngày gặp lần đầu, nhưng anh không dám tỏ tình. Anh phải nhờ bạn bè tìm hiểu về chị. Anh Tiệp sau đó mới biết tên của nàng là Lê Minh Chúc và nhà ở phố Hàng Bạc tại Hà Nội,

Biến cố 1954 xảy ra, chia đôi đất nước, cả hai gia đình đều di cư vào Nam làm anh mất tin tức của chị Chúc. Vào Nam được biết anh Tiệp học trường Chu Văn An, còn chị Chúc học trường Trưng Vương, nhưng chưa liên lạc nhau. Vào năm 1962 sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật, anh liền ghi danh học thêm vào đại học Văn Khoa với mục đích tìm chị Chúc. Vì anh Tiệp nghĩ rằng chị Chúc là người yêu thích văn chương thì sẽ ghi danh học ở Văn Khoa. Một hôm, lúc giờ ra chơi, anh Tiệp ra đứng ngắm các cô sinh viên thì đột nhiên anh thấy được hình bóng của người con gái mà mình yêu mến từ lâu. Anh Tiệp vội vàng đến hỏi thì đúng là chị Chúc. Sau một thời gian quen biết, anh Tiệp liền về nhà xin phép Cha Mẹ cho biết là anh đã tìm được người yêu và muốn lập gia đình với chị Chúc. Đám cưới của anh chị Tiệp & Chúc được tổ chức vào ngày Tết Dương Lịch 1-1-1967 tại Sài Gòn.

Sau khi làm luật sư, anh Ngô Văn Tiệp xin vào làm việc cho ngành Cảnh Sát Quốc Gia tại Sài Gòn với cấp bậc Thiếu Tá.

Thời gian sinh hoạt trong Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali, chúng tôi thấy anh chị Tiệp & Chúc luôn có những cử chỉ yêu thương, lo lắng cho nhau. Tôi còn nhớ trong chuyến đi xuống Nam Cali, phái đoàn Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali. có ghé thăm Thư Viện của TT Richard Nixon. Khi đi về trên đường ra xe, mọi người phải đi trên một con đường hơi dốc, hai bên đường có hàng cây lá đã trở màu vàng vào mùa thu, tôi thấy anh chị Tiệp & Chúc nắm tay nhau cùng từng bước đi xuống, trông thật tình tứ và lãng mạn. Một hình ảnh thật dễ thương và hạnh phúc.

Trong vai trò cố vấn cho hội, anh Ngô Văn Tiệp thỉnh thoảng cho tôi các ý kiến để giúp hội hoạt động tốt đẹp hơn.

Tại San Jose, tôi biết Ls Ngô Văn Tiệp cũng là cố vấn cho Hội Cảnh Sát và cựu chủ tịch của Quỹ Tương Tế của Gia Đình Cảnh



Anh chị Ngô Văn Tiệp & Lê Minh Chúc Sát Quốc Gia. Anh cũng là một trong những người sáng lập tổ chức Liên Đoàn Cử Tri.

Tóm lại, Ls Ngô Văn Tiệp là một người điềm đạm, đạo đức, là người chồng, người cha, ông nội, ông ngoại tốt và là một người được các bạn rất quý mến. Nhận xét về Ls Ngô Văn Tiệp, Ls Hoàng Châu Qui ở Nam Cali cho biết chị và anh Tiệp rất thân. Anh Tiệp là người vui tính, hay nói đùa và đối xử tốt với bè bạn. Anh chị Tiệp & Chúc là những Phật tử ngoan đạo. Chị Chúc trước đây hàng tuần dạy Việt ngữ cho các em tại chùa Quán Thế Âm trên đường Mc Laughlin, San Jose.

Xin thành kính chia buồn đến chị Lê Minh Chúc, Ls Ngô Văn Quang và tang quyến.

Toàn thể thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali xin nguyện cầu cho hương linh của anh Ls Ngô Văn Tiệp được về miền Cực Lạc.../..

San Jose ngày 17-4-2026

TM GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALI.

NGUYỄN VĂN BÌNH

CHUYẾN VƯỢT BIỂN HẢI HÙNG



ĐỖ HỮU PHƯƠNG
(Cử Nhân Luật 1971)

LTS: Đây là câu chuyện thật đã xảy ra mà tác giả viết lại theo lời kể của người bạn, nhân chứng sống trong cuộc vượt biển hải hùng này. Chuyến đi vượt biển vào năm 1978. Tàu đã bị hải tặc cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ và đã bị chìm. Tàu gồm có 400 người mà chết hầu hết chỉ còn lại 11 người sống sót. Trong đó có gia đình của anh Ngô Đê Hiền, bạn học Luật với tác giả đã tử nạn.

XXX

Sau ngày 30-4-1975, chính quyền mới ở Việt Nam đã ban hành nhiều thông báo yêu cầu quân nhân, công chức và viên chức của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đi “trình diện học tập cải tạo”. Anh Ngô Đê Hiền, một cựu sinh viên Luật khoa Sài Gòn, một tập sự viên Luật sư tại tòa Thượng thẩm Sài Gòn, và cũng là một nhân viên của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, anh không ra trình diện. Anh chấp nhận một cuộc sống trốn tránh, đầy căng thẳng, khổ sở và lo sợ từng giờ phút. Ban ngày anh không dám xuất hiện, anh thay đổi nơi cư trú thường xuyên và nhờ miếng cơm từ gia đình.

Anh Hiền có người em tên là Thạnh, Thạnh cố gắng tìm cách vượt biên nhiều lần

nhưng không thành. Mãi đến năm 1978, có phong trào thanh lọc người Hoa ra khỏi Việt Nam. Ở Mỹ Tho, gia đình Thạnh liên lạc được với một tổ chức vượt biên bán chính thức, gia đình Thạnh đồng ý tham gia rời khỏi nước. Trước khi quyết định cuộc vượt biên này, Thạnh có xuống Mỹ Tho để quan sát, được xem người ta đang đóng tàu tại Cù Lao Phụng. Tàu rất lớn, máy nổ thật tốt, nhìn xa như một toà nhà cao. Thạnh nghĩ chiếc tàu này mà ra biển chắc chắn là rất an toàn. Thạnh còn nhớ số hiệu hai tàu đó là MT-501 và MT-503. Không biết vì lý do gì



mà gia đình Thạnh không chọn tàu MT-501 mà chọn tàu MT-503. Có thể vì ông chủ tàu 503 là người Hoa cũng là chỗ thân tình và có nhiều ân nghĩa với gia đình Thạnh. Giá cả cho mỗi đầu người là 12 lượng vàng, vợ chồng anh Hiền và hai con 36 lượng,

Di ảnh Ngô Đê Hiền

vàng. Một số vàng khổng lồ, cũng may, nhờ quen nên người chủ tàu đồng ý để anh em Thạnh hoàn lại số vàng này sau khi đã được định cư trên xứ người bình yên. Nhờ thế mà gia đình Thạnh mới có cơ hội vượt biên trên chiếc tàu MT-503.

Kể từ hôm đó, lòng Thạnh bắt đầu phấn khởi, anh mơ về một tương lai tươi sáng nơi xứ người và anh cũng không khỏi ngậm ngùi, đau buồn, vì biết mình sắp sửa vĩnh viễn rời xa cha mẹ, xa quê hương, xa nơi “chôn nhau cắt rún” của mình.

Theo dự tính, tàu sẽ khởi hành vào cuối năm 1978. Thạnh và gia đình anh Hiền phải thay đổi lý lịch với một thẻ căn cước giả. Thẻ

căn cước có dấu ấn con rồng, màu xanh. Căn cước này được mua từ một người trong tổ chức vượt biên với giá một chỉ vàng. Trên giấy căn cước giả Thanh phải đổi tên theo người Việt gốc Hoa là: Từ Xú Há.

Thế là: Chờ đợi, hồi hộp, lo lắng, vui mừng lẫn lộn, nghe tin tàu sẽ rời bến vào tháng 3, 1979 Nhưng cuối cùng không biết vì lý do gì, người chủ tàu dời ngày khởi hành vào tháng 5, 1979. Ngày giờ và địa điểm sẽ được thông báo sau.

Anh chị Hiền và hai con đến từ biệt Ba Má lần chót. Lúc này thì Thanh vẫn còn sống chung với Ba Má tại Sài Gòn. Buổi sáng trước khi lên đường, Thanh được Mẹ cho ăn sáng với trứng chiên và bánh mì, Ba pha cho Thanh ly cà phê đá. Thanh thấy mình hạnh phúc và sung sướng quá, anh cảm động vô cùng, nhưng cũng thật buồn, vì đây là bữa ăn sáng cuối cùng, Thanh sẽ không còn gặp Ba Má nữa. Mẹ nhiều lần dặn dò Thanh đủ thứ, nhưng anh không cảm nhận được gì hết. Rồi mẹ Thanh tháo chiếc nhẫn vàng hai chỉ đeo vào ngón tay Thanh và bảo “Ráng giữ làm của nghe con”. Ba Thanh chỉ nói: “Khi nào đến nơi báo tin về nhà”. Hai hàng nước mắt Thanh rơi xuống má tự lúc nào, anh cố nén nỗi xót xa, bi lụy, quay vội nhìn ra ngõ và nói: “Ba Má nhớ giữ gìn sức khỏe, con đi đây. Ba Má đừng đưa tiễn con làm hàng xóm họ để ý”. Thanh cúi đầu bước nhanh ra cổng để đến điểm hẹn là vườn hoa Lạc Hồng gần bến tàu Hải Quân thuộc tỉnh Mỹ Tho cho kịp gặp gia đình anh Hiền. Thanh ra bến xe miền Tây kiểm xe đồ đi về Mỹ Tho. Muốn cho kịp giờ và cũng không muốn người quen bắt gặp nên Thanh phải mua vé chợ đen, Thời bấy giờ, muốn mua vé đi đâu cũng phải mua vé chợ đen chứ không dễ dàng như xưa.

Xe đến Mỹ Tho vừa đúng 12:30 trưa. Theo giờ hẹn là 3:00 giờ chiều, vì thấy còn sớm nên Thanh thả bộ lang thang dọc theo bờ sông, qua Cầu Quay, Thanh ghé vào quán mì Phan Ký, Thanh gọi tô mì, uống thêm ly cà phê đá. Tô mì hôm nay ngon làm sao! Ngon

hơn bao giờ hết, có lẽ đây là tô mì cuối cùng mà anh nghĩ rằng “Mình sẽ chẳng bao giờ còn trở lại nơi đây”.

Thanh đến điểm hẹn tại vườn hoa Lạc Hồng lúc 2:30 thì gặp ông chủ tàu và vài người lạ mặt. Ông chủ tàu dắt Thanh và tất cả mọi người xuống một ghe nhỏ đưa qua sông đến Cù Lao Phụng Bên cạnh Cù Lao Rồng, nơi mà ông Đạo Dừa đã sống ngày xưa. Sau khi rời ghe lên bờ, Thanh gặp gia đình anh Hiền đang trải chiếu tại bóng cây cho hai cháu bé ngủ. Nhìn những người qua lại trên cù lao, Thanh cố ghi lại khung cảnh đẹp của quê hương mình. Anh ngồi nghỉ chân, và cũng để lấy lại tinh thần sau chuyến di chuyển đầy lo âu trên đoạn đường từ nhà đến đây.

Đến 6:00 giờ chiều, chủ tàu thông báo cho tất cả mọi người chuẩn bị sẵn sàng, tàu sẽ rời bến lúc 10:00 giờ đêm. Khoảng 9:00 giờ tối thì chủ tàu lần lượt gọi tên từng người xuống tàu. Thanh cũng không quên tên mới của mình lúc ấy là Từ Xú Há, cái tên mà anh đã cố nhớ để không ngỡ ngàng khi được gọi. Đa số những người xuống tàu trước thì chọn xuống dưới hầm tàu, chắc họ có kinh nghiệm là ở dưới hầm tàu ít say sóng hơn. Gia đình anh Hiền được gọi tên rồi đến Thanh vì xuống sau nên ở trên sân tàu. Người chủ tàu cũng đã chuẩn bị kỹ, phía trên có tấm nilon lớn phòng che nắng, mưa. Trên tàu ước chừng khoảng 400 người chen chúc, ngồi san sát nhau, ém chặt như nêm.

Tàu từ từ rời bến trong nỗi buồn vui lẫn lộn của mọi người. Nhìn ngược lại bến, Thanh thấy còn loáng thoáng vài người ở đó. Anh tự hỏi: Chẳng biết họ có phải là những viên chức địa phương không. Chủ tàu ra lệnh tắt hết đèn và cũng không được xài đèn pin. Hai bên bờ sông thì tối đen, không nhìn thấy gì cả, ngoài tiếng máy nổ và tiếng thì thầm chuyện trò, to nhỏ của bà con trên tàu. Phía trước tàu có một chiếc ghe nhỏ dẫn đường, có lẽ đó là tàu của chính quyền địa phương hướng dẫn tàu MT-503 ra khơi.

Nhờ thế mà tàu chạy suốt đêm, ra tận cửa biển mà không thấy bị chặn lại kiểm soát hay bắt bớ gì cả. Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa ló dạng, nhìn chung quanh, chỉ toàn một màu xanh mênh mông của biển. Tàu đã ra biển - Con tàu to lớn như thế mà bây giờ lại quá nhỏ bé so với biển rộng bao la. Sóng biển vào buổi sáng thật êm ả, mặt nước phẳng lặng, tuyệt đẹp, thanh tịnh làm sao! Đúng như tên đã được người ta đặt cho là “Thái Bình Dương”. Nhìn trời nước mênh mang. Thanh thấy số phận mình sao mỏng manh, nhỏ bé quá! Anh chỉ mong cho biển êm, sóng lặng để mọi người được thoát đến bến an toàn. Thanh cầu xin ơn trên phù hộ cho cuộc hành trình vượt biển được suôn sẻ. Lòng anh miên man trầm nổi dầy vò. Vừa lo sợ cho tương lai không biết sẽ ra sao. Nhưng cũng mang niềm hy vọng vào một ngày mai tươi sáng. Rồi nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ quê hương, không biết đến bao giờ mình mới gặp lại Mẹ Cha. Và anh lại nhớ đến tỉnh Mỹ Tho hiền hòa, nơi Thanh ra đời. Còn thành phố Sài Gòn thương yêu nữa, nơi đây anh đã có biết bao nhiêu kỷ niệm của thời trai trẻ vừa mới lớn, với những con đường thơ mộng rợp lá me bay, và những chiều mưa Sài Gòn hắt hiu nỗi nhớ. Không biết đến bao giờ anh mới có dịp cùng sống lại những kỷ niệm êm đềm thuở xưa nơi quê hương yêu dấu. Ôi. mất hết rồi!

Sau một ngày ra khơi, Thanh thấy chung quanh chỉ toàn một màu xanh nước biển và thênh thang mây trời. Vì bồi hồi, lo lắng nên anh không thấy đói, chỉ uống chút nước. Nước uống thì bị giới hạn tối đa, uống cầm chừng mà thôi. Vì là trai trẻ nên Thanh chọn ngồi gần mũi tàu cho thoáng nhưng dễ bị say sóng. Nắng bắt đầu gắt lên, da Thanh bị sạm đen mặc dù phía trên có tấm nilon che. Cả nhà anh Hiền ngồi chính giữa boong tàu, trông gương mặt anh chị Hiền thắm mệt còn hai cháu thì nằm ngủ say trông rất dễ thương. Hai anh em Thanh và Hiền vì ngồi cách xa nên không có dịp chuyện trò với nhau. Màn đêm buông xuống, trên boong tàu gió thổi rất lạnh, mặc dù tàu chật chội, không thể nằm, chỉ ngồi sát nhau mà cơn lạnh vẫn thấm vào da thịt.

Sang ngày thứ hai và thứ ba, chiếc tàu vẫn nhẹ nhàng lướt sóng. Mặt biển vẫn bình yên, phẳng lặng, mọi người vui mừng đều nghĩ mình thật may mắn.

Đến ngày thứ 4, đã có nhiều người già và trẻ em bắt đầu mệt, bệnh, sức khỏe yếu dần. Nhìn xa xa ngoài khơi Thanh thấy có nhiều chiếc tàu rất lớn chạy ngang và rồi vội vàng mất dạng. Có người ngất xỉu, cần cứu tỉnh. Nhưng ai nấy cũng đã mệt lả, nên không ai có thể lo cho ai được. Cùng lúc ấy, phía xa xa có một chiếc tàu chạy đến gần, những người trên tàu làm dấu hiệu cầu cứu (S.O.S), nhưng vô vọng. Họ chẳng để ý gì đến chiếc tàu tị nạn đang lâm nguy. Lo sợ quá nên Thanh đến gặp ông chủ tàu, ông cho biết: Người tài công này không phải là người có kinh nghiệm lái tàu đi biển, anh ta chỉ quen chạy tàu trên sông mà thôi, cho nên tàu đi không đúng hướng, đã mấy ngày rồi mà chưa tới được bờ biển Mã Lai.

“Trời ơi! Thanh bắt chợt kêu lên. Đã quá muộn rồi!” Thế là hơn 400 sinh mạng trên tàu đang trong tình trạng nguy hiểm, đành giao số mạng cho một người tài công không kinh nghiệm này.

Đến trưa ngày thứ 5, có một chiếc tàu chở hàng thật lớn đi cùng hướng. Trên tàu có người làm dấu hiệu S.O.S. Thanh thấy họ đáp lại bằng một tấm bảng màu trắng ghi chữ “FOLLOWING” màu đen. Có đông người trên chiếc tàu đó hướng về tàu tị nạn. Khi chỉ còn cách khoảng 500 mét, thì tàu của họ chạy chậm lại, tàu của Thanh cố gắng chạy theo. Mọi người vô cùng mừng rỡ, cùng cảm ơn Thượng Đế đã ra tay cứu giúp. Nhưng vì chiếc tàu vượt biên chạy quá chậm, và có lẽ chiếc tàu lớn kia chỉ hướng dẫn mình đi chứ không cứu vớt mình. Càng lâu khoảng cách càng xa, dần dần rồi chiếc tàu lớn...cũng mất dạng. Mọi người ngồi im lặng vì thất vọng. Khi màn đêm xuống thì chiếc tàu kia đã mất hút vào bóng đêm. Bây giờ trên tàu thiếu nước uống, nhiều người bệnh, trẻ em la khóc vì khát nước. Người lớn tuổi thì mất dần trí nhớ, nói năng lảm nhảm...thật thảm thương. Thanh chợt nghĩ thoáng qua: Thế là số mệnh đã an bài, chắc chắn nay mai thì tất cả mọi người trên

tàu sẽ chết hết. Đi tìm tự do mà phải trả một giá rất đắt bằng sinh mạng của chính mình!. Đến ngày thứ 6 thì cảnh tượng càng bi đát hơn. Thanh lần theo bên ngoài thành tàu đến gặp ông chủ tàu hỏi tin tức, nhưng không thấy ông ta đâu cả. Anh tài công thì kiệt sức nằm dài bên cạnh tay lái. Trên tàu đã có người bất tỉnh. Một bà cụ chết, gia đình quăng xuống biển. Người trên tàu tranh dành nước uống đánh nhau. Thanh đang cầm lon nước trên tay, có người đề nghị Thanh đổi một lon vàng, nhưng Thanh từ chối vì giờ phút này sự sống còn của Thanh và gia đình anh Hiền đang cần từng giọt nước. Có người phát điên, tự lao xuống biển... Vài giờ sau, một đám mây đen kéo đến rồi mưa thật lớn, ai nấy tìm mọi cách để hứng những giọt nước mưa mà uống. Riêng Thanh phải dùng cái áo đang mặc hứng nước mưa rồi vắt áo lấy nước uống cho cả gia đình anh Hiền. Cơn mưa lại quá nhanh nên không ai có thể hứng được đủ nước để uống. Nhưng cũng nhờ vài giọt nước mưa nên cũng đã cứu vớt được cảnh chết khát của nhiều người trên tàu..

Vào đêm ngày thứ 6, khi màn đêm bao phủ khắp mặt biển. Ngồi trên boong tàu, Thanh chợt nhìn thấy có một lần ánh sáng chập chờn rồi mất. Rồi những ánh sáng đó từ từ xuất hiện rõ ràng và gần hơn. Nhiều ánh đèn pha rọi qua lại sáng cả một vùng. Và rồi một chiếc tàu lớn xuất hiện, Thanh cố nhìn kỹ thì đây là một tàu đánh cá của người Thái Lan, trên tàu viết chữ Thái, nhiều người Thái nước da đen, không mặc áo, chỉ mặc Sarong đi qua lại trên boong tàu. Trên tay họ cầm những con dao dài, có hai người cầm súng ngắn. Mọi người trên tàu bắt đầu lo sợ, không biết chuyện gì xảy ra đây. Vài người trên tàu thì thào “Thôi rồi! Ta gặp bọn cướp biển rồi!”.

Chiếc tàu Thái cặp sát vào tàu vượt biên. Hai người Thái dùng dây thừng để treo qua tàu nhỏ và ra hiệu cho mọi người phải lên tàu của chúng theo thang lưới đã treo phía sau tàu Thái. Sự hung dữ của họ làm cho mọi người sợ hãi. Mọi người lần lượt lên tàu Thái. Lúc này thì Thanh đã được đến ngồi gần gia đình anh Hiền. Hai anh em nhìn nhau, trong ánh mắt, anh em đã trao cho nhau những nỗi sợ hãi

cùng những nguy hiểm sắp xảy đến.

Bọn Thái cho những người trên tàu uống nước. Một ly nước thật mát ruột mà Thanh vừa thoáng nghĩ giống như là một bữa ăn ngon cho người tử tù. Rồi chúng ra hiệu cho mọi người đi về phía trước tàu, và lục soát từng người để lấy hết tất cả những gì đang cất giấu trong người: Hột xoàn, vàng, đồng hồ, cẩm thạch ... tất cả được bỏ vào một thùng xăng rỗng. Những tên Thái khác, tay cầm dao đứng canh chừng dọc theo sàn tàu. Đến phiên Thanh bị lục soát thì chẳng có gì ngoài hai chỉ vàng mà giờ chót trước khi đi mẹ cho, anh đã giấu kỹ trong gấu áo lúc còn ở bến ghe cù Lao Phụng, thế mà bọn Thái cũng tìm được. Lòng đau như cắt, nhưng chẳng còn cách nào hơn. Tuy hai chỉ vàng không nhiều lắm, nhưng đó là kỷ niệm cuối cùng của mẹ. Thanh liếc sang cái thùng xăng to lớn của bọn cướp biển, đã gần đầy những của cải mà chúng thu được. Sau khi lục soát xong, chúng ra dấu cho mọi người trở về tàu vượt biên. Nhìn sang tàu vượt biên thì thấy tối thui, không ánh đèn, không tiếng máy nổ. Những người phía sau xô đẩy mạnh để trở về tàu mình cho nhanh. Đợi gia đình anh Hiền xuống tàu an toàn xong thì Thanh mới xuống. Mọi người trở về tàu của mình, trời tối đen, không có đèn, máy tàu không nổ nữa, nước từ từ tràn vào tàu, mọi người bắt đầu hỗn loạn. Có thể do bọn Thái trong khi lục soát tìm vàng, lục vào máy tàu nên làm máy không nổ, hoặc chúng đập phá các hóc để tìm vàng đã làm lủng thành tàu khiến nước tràn vào. Tiếng gào thét của hơn 400 người trên tàu thật khủng khiếp. Trên mặt biển mênh mông, tàu không nổ máy, lênh đênh như chiếc lá giữa dòng sông. Thanh nắm chặt một tay vào lan-can gỗ của tàu, tay kia nắm chặt tay anh Hiền và hai cháu. Chị Hiền thì ôm lấy anh Hiền. Thanh không nhìn thấy gì cả. Sóng biển đánh mạnh vào hông tàu, đóng đưa con tàu qua lại như chiếc võng. Ngay lúc đó, một cơn sóng thật mạnh đánh ập tới, nước biển tạt cao đến tận mặt, tay Thanh vẫn còn nắm chặt tay anh Hiền. Thanh nói: “Ráng nghe Sáu”, (ở nhà Thanh vẫn thường gọi anh Hiền là Sáu). Nước vào trong tàu càng nhiều, người trên tàu gào thét, la cứu inh ỏi, thật ghê

sợ. Rồi tiếp theo... tiếp theo, những đợt sóng mạnh hơn đẩy tay Thanh rời khỏi thành tàu và hất Thanh lên, một luồng nước mạnh tạt vào mặt Thanh, anh không còn thấy gì nữa...Đó là giây phút chót Thanh chia tay cả gia đình anh Hiền. Chiếc tàu tị nạn từ từ đi vào lòng đại dương. Thanh nghe nhiều tiếng kêu cứu thất thanh, khóc than, vô cùng thảm thiết, nghĩ đến hai đứa cháu nhỏ dại, chắc chúng cũng đã bị cuốn trôi theo sóng biển. Còn vợ chồng anh Hiền thì sao? Chắc anh chị cũng bị chìm sâu rồi, vì không ai biết bơi cả.

Tuy trong bóng đêm, nhưng Thanh cũng biết mình đang nằm trên mặt nước. Anh cố gắng bơi xa dần đám đông đang trôi nổi trên mặt biển. Thanh bị một người nào đó nắm áo lôi lại, Thanh cởi áo để thoát thân. Rồi người khác nắm quần Thanh thật chặt, nghe nói, người chết chìm luôn luôn ôm chặt lấy người khác. Thanh phải cởi luôn quần để thả người kia ra, lúc bấy giờ trên mình anh không còn quần áo gì cả, Thanh phải lặn sâu xuống mới tránh được những người đang chết chìm níu kéo. Khi vượt được ra khỏi đám người ấy thì Thanh đã thấy quá mệt, Thanh trôi nổi trên mặt nước để thở và thả trôi theo dòng nước....

Chỉ mười phút sau, Thanh thấy trước mặt mình là một vật đen lớn, anh ráng bơi lại gần thì nhận ra đó là chiếc tàu bị lật úp, mặc dù rất mệt, nhưng anh cố leo lên đáy tàu đang nhô lên để nằm trên đó nghỉ mệt. Thình lình Thanh thấy có một vật màu trắng đang nổi trên mặt nước, anh vói tay nắm lại, nhìn kỹ thì đó là một miếng vải lớn, bên trong có nhiều ngăn nhỏ chứa nhiều miếng foam giống như một cái phao tự chế, mừng vô cùng, anh la lên "Trời cứu tôi rồi!". Thanh nắm lấy cái phao này quấn ngay vào người, cột thật chặt. Phần còn lại chiếc tàu từ từ chìm sâu, Thanh rời bỏ tàu và lao mình xuống nước. Anh đã rời xa đám đông nhưng tai vẫn còn nghe những tiếng kêu la thất thanh, gào thét thảm thiết.

Thôi thế là hết rồi! Ta đã mất tất cả, anh mừng tưởng đến những tiếng la ai oán của những người rơi vào lòng đại dương, mà trong đó có cả tiếng kêu cứu của gia đình người anh ruột của mình mà xót xa vô cùng!

Thanh cứ để mình thả trôi theo dòng nước và ngất đi lúc nào không hay...Thanh không biết thời gian mình bất tỉnh trên biển là bao lâu, chỉ đến khi anh có cảm giác, nóng trên đầu thì anh tỉnh lại. Biết mình còn sống. Nhìn chung quanh chẳng thấy gì, chỉ thấy bầu trời và mặt nước biển màu xanh. Thanh hồi tưởng lại cảnh hãi hùng lúc tàu bị cướp biển, tàu chìm, tiếng la khóc cầu cứu của mọi người... rồi nhìn lại chính mình không mảnh vải che thân, không cảm thấy lạnh, nhưng mấy đầu ngón tay thì móp méo. Thanh nghĩ có thể là sự khủng hoảng vừa qua đã làm cho anh không còn cảm giác! Trong những giây phút thất vọng, anh thầm nghĩ mình có chết cũng an phận rồi, nhưng nhớ đến anh chị và các cháu mình đã chết, Thanh cứ để mặc cho dòng nước quyết định. Khát nước, Thanh nếm thử vài giọt nước biển quá mặn, Thanh nhắm mắt không muốn suy nghĩ gì nữa và rồi thiếp đi.

Thanh cứ nửa mê, nửa tỉnh, mơ màng không biết bao lâu khi tỉnh lại, thì thấy mặt trời xé qua đầu. Bỗng nhiên Thanh thấy có một lần trắng dài. Thanh tỉnh giấc cố nhìn, mắt không rời vệt màu trắng đó. Vệt trắng đó ngày càng lớn dần, rồi một khối màu đen cũng hiện theo. Khi vệt trắng đến gần thì Thanh thấy rõ chấm đen đó là chiếc tàu, còn lần trắng đó là khối ở phía trên. Thanh mừng quá, mong sao chiếc tàu chạy đến gần thấy mình mà cứu vớt. Sự mong chờ của Thanh quá lâu mà sức lực càng yếu, nhưng vẫn không thấy chiếc tàu chạy đến gần. Mệt quá, Thanh lại ngất đi lúc nào không hay....Rồi tự nhiên Thanh có cảm giác cả người mình ầm hẫng lên, mở mắt ra thì thấy một người nào đó đã mặc vào người anh một chiếc quần ngắn.Tỉnh lại, Thanh mới biết mình đã được cứu đưa lên tàu. Người ấy nói gì nhưng Thanh không hiểu.

Tuy đã tỉnh táo trở lại, nhưng thân thể anh vẫn chưa nhúc nhích được, tay chân vẫn còn tê lạnh, bụng thì vừa đói vừa khát. Một lát sau có người mang đến cho Thanh chén cháo. Ông ta nói với Thanh vài câu mà anh vẫn không hiểu, chỉ lặng thinh, bụng chén cháo húp một hơi là hết. Thật quá ngon! Phải từ từ Thanh mới nhận ra đây là chiếc tàu đánh cá của người

Thái Lan. Thanh nhớ lại mấy ngày trước đây, đám ngư phủ Thái đã là những tay cướp biển, nhưng bây giờ họ lại là ân nhân cứu mạng mình. Thanh còn được biết có khoảng mười người khác cùng đi trên chiếc tàu vượt biên với anh cũng được tàu này cứu sống!. Trong những người được cứu sống có ông chủ tàu và hai người con trai, còn 30 người khác trong gia đình ông ta đều đã chết dưới lòng biển sâu. Như vậy trên chiếc tàu vượt biên hơn 400 người, chỉ có 11 người sống sót, còn tất cả đều đã chết, trong số đó có vợ chồng anh ruột của Thanh và hai đứa cháu trai 2 và 3 tuổi nữa.

Thanh nghe các thủy thủ nói chuyện với những người vừa được cứu lên bằng tiếng Hoa nên Thanh mới biết đây là chiếc tàu đánh cá của người Thái gốc Hoa nên họ có lòng nhân đạo hơn. Thanh nghe kể lại: Trong lúc tàu đánh cá của họ đang rải lưới theo luồng nước biển để vớt cá (vì ngoài khơi có những luồng nước chảy mạnh, cá và một số sinh vật khác trôi theo dòng nước)... trong số đó có những người bị đắm tàu cũng trôi theo dòng nước... Người đầu tiên được thuyền trưởng cứu vớt vào buổi trưa và Thanh là người cuối cùng được cứu vào buổi chiều. Thanh thầm nguyện: "Minh thật may mắn lắm, xin cảm ơn Trời Phật, cảm ơn những người đã cứu tôi".

Thanh tính lại từ lúc tàu chìm cho đến khi mình được vớt lên là hai ngày và một đêm. Thanh không hiểu tại sao mình còn sống. Đói, khát, kiệt sức... và đôi lúc tuyệt vọng, T đã uống nước biển để chết cho yên, nhưng không hiểu tại sao anh vẫn còn sống. Thật là một phép lạ! Đôi lúc Thanh tự nghĩ chắc là linh hồn anh Hiền linh thiêng đã phù hộ giúp cho đứa em này được sống?

Theo thuyền trưởng nói với những người Hoa trên tàu, thì mọi người phải đi theo tàu đánh cá khoảng một tuần, vì số thu hoạch cá chưa đầy hàm tàu, không đủ chi phí cho một chuyến đi. Tàu này lớn hơn tàu vượt biên của Thanh một chút. Thủy thủ đoàn khoảng 8 người, làm việc hai ca liên tục. Thanh và những người khác được tạm trú trên sân tàu, mỗi ngày được ăn cháo hoặc cơm với cá do các thủy thủ nấu. Mỗi ngày T được nhìn họ giăng lưới và kéo

lưới thật vất vả. Khi lưới được kéo lên, họ chỉ lấy những cá và mực lớn còn những con nhỏ họ thả lại xuống biển. Một thủy thủ đã dạy cho Thanh nướng mực trên ống khói tàu vài phút rồi ăn ngay, cũng ngon lắm mà lại thật thú vị... Ban ngày thì nóng bức, đêm xuống lại lạnh vô cùng làm Thanh liên tưởng thời gian hơn hai ngày trôi lênh đênh trên biển, vậy mà không hiểu sao Thanh không chết. Đúng là số mạng do Trời định...

Đến trưa ngày thứ bảy, người thuyền trưởng thông báo: sẽ thu hồi lưới và đưa người lên bờ. Họ là những tàu đánh cá người Thái nên họ không thể đưa người Việt vào đất Thái Lan, nhưng họ sẽ đưa mọi người vào vùng bờ biển của Mã lai cạnh biên giới Thái. Đến nửa đêm, trời tối đen, T nhìn thấy những chấm đen nhỏ, có thể đây là những đảo hay những làng hẻo lánh ven biển. Chiếc tàu chạy chậm lại, tiếng máy nổ nhỏ hơn, đèn được tắt hết, vì họ sợ Mã Lai phát hiện ra tàu của họ. Thuyền trưởng nói với mọi người, tàu họ không vào sát bờ được, họ cho chúng tôi vài cái thùng nylon độ 20 lít để làm phao. Thuyền trưởng và tất cả thủy thủ đến chào từ biệt mọi người, không khí chia tay thật cảm động. Thanh không biết nói sao cho họ hiểu lòng cảm ơn của anh, chỉ biết chấp tay lại xá ba xá giống như phong tục của người Thái, và trong thâm tâm, anh không quên cầu nguyện ơn Trên phù hộ cho những ân nhân đã cứu mạng Thanh và những người bị nạn trên chiếc tàu vượt biên được bình an.

Thanh cùng những người khác lặng lẽ xuống tàu để trở lại biển, vài người cùng ôm một cái phao, cố bơi vào bờ. Khi cả nhóm người Việt lên được bãi biển rồi thì chỉ vài phút sau có một nhóm lính mặc đồ rằn ri với súng M16 trên tay nhắm ra khơi bắn xối xả vào chiếc tàu cứu người vừa rời khỏi. Thoảng trong bóng đêm Thanh nghe tiếng máy tàu rú mạnh khủng khiếp, dường như tàu cố gắng chạy nhanh ra khỏi vùng lãnh hải của xứ Mã lai. Mọi người đều cầu nguyện cho chiếc tàu rời khỏi bình yên.

Rồi những người lính dẫn mọi người đến một mảnh đất nhỏ, chung quanh có hàng rào kẽm gai và giam giữ tại đó. Đêm đó Thanh ngủ dưới gốc cây, trên người chỉ có chiếc

quần ngắn, không áo, không giày dép.... Sáng hôm sau họ đem đến vài chục lon đồ hộp màu xanh, có thể là lương thực của quân đội. Mọi người chia nhau ăn uống thật ngon lành. Suốt cả ngày ai nấy đều choáng váng, lao chao, có lẽ vì sự thay đổi giữa biển và đất liền. Hai ngày sau họ dẫn cả bọn đi bộ khoảng hai giờ ra đến đường nhựa, ở đó có xe trắng sơn chữ U.N. bên hông. Chiếc xe này đưa Thanh đến một trại tạm cư nhỏ. Bước xuống xe đi vào trong trại với một quần đùi, thân gầy mòn, nhưng Thanh vui hơn lên vì biết mình đã đến trại chuyển tiếp an toàn rồi, dù thân mình có như một con quái vật cũng không sao. Vào trại, gặp người Việt Nam làm trong trại đưa cho một mẫu giấy in sẵn, Thanh ghi đúng tên thật của mình là Ngô Đền Thanh. Họ đưa Thanh đến một dãy nhà còn trống và bảo đây là nơi tạm trú của Thanh.

Thế là kể từ giờ phút này, Thanh tạm có một cuộc sống mới, bắt đầu từ trại tị nạn. Vừa vào cửa trại, Thanh thấy bên phải là văn phòng, kế là giếng nước, phía trước là bờ sông, phía trái là các dãy nhà tole chứa đầy người tị nạn. Sau khi làm giấy nhập trại, Thanh cùng những người khác được đưa đến dãy nhà còn trống. Những người tị nạn đến trước đưa mắt nhìn những người đến sau có vẻ thương hại vì quần áo rách rưới, thân thể gầy mòn. Còn Thanh chỉ có cái quần xà lỏn với thân cao gầy lòi ra bộ xương cách trí....Sau đó, mỗi người được Cao Ủy Tị Nạn phát cho một bao thực phẩm gồm: Gạo, đường, cá, thịt hộp, trà, cà phê...đói quá, Thanh tạm thời ăn mấy cái bánh biscuit, uống một bụng nước giếng no nê, xong đi tìm 1 miếng carton làm chiếu ngủ một giấc ngon lành. Trong giấc ngủ, Thanh mơ thấy mình được đưa đến một vùng đất mới tuyệt vời để xây dựng cuộc đời mới...và rồi Thanh cũng không khỏi bùi ngùi xót xa, chợt nhớ đến anh chị Hiền cùng hai cháu trai đã vùi thân dưới đáy biển.

Hai tháng trong trại tị nạn, tuy sống cực khổ, nhưng Thanh cũng no cơm, lên cân, khỏe mạnh và sung sướng hơn là những ngày trôi dạt trên biển. Ở đây, Thanh học được một bài học là nhận thấy rằng: Mặc dù cùng là người

Việt, cùng mang thân phận sống trong trại tị nạn, nhưng Thanh thấy họ cũng có sự phân biệt cao thấp giữa người đến trước và người đến sau, người có tiền và người không tiền, đám đông áp đảo người cô độc...Ồi, đời là vậy!.

Một hôm tình cờ Thanh thấy có rất nhiều ghe đi biển với màu sắc lòe loẹt của người Mã Lai và những chiếc ghe khác của người Việt Nam được neo dọc trên bến ghe. Vài ngày sau thì nhận được tin là tất cả những người trong trại sẽ di chuyển đến trại tị nạn Paula Bidong vào sáng mai vì trại Kota Bharu sẽ bị đóng cửa. Mọi người đều vui vẻ, ai cũng hy vọng là đổi đến trại lớn thì sẽ có đời sống khá hơn.

Đêm hôm đó, mọi người thức thật khuya để thu xếp đồ đạc. Thanh không có gì ngoài hai bộ đồ, cái mền rách nát, mấy cái lon để uống nước, cái chén ăn cơm...lắm cảm vài thứ Thanh nhét trong một cái túi nhỏ rồi đi ngủ. Năm giờ sáng mọi người đã được đánh thức dậy. Sáu giờ, nhân viên và lính của Mã Lai hướng dẫn từng gia đình xuống các ghe nhỏ đang neo tại bờ. Với hơn 3 ngàn người, nên việc di chuyển xuống tất cả các chiếc tàu nhỏ đến 2 giờ chiều mới xong. Thanh độc thân nên cũng không vội vàng xuống tàu. Thanh nói chuyện với người sĩ quan Mã Lai mà Thanh vừa quen, anh này rất tốt với dân tị nạn. Anh nói với Thanh là tất cả sẽ được chuyển đến trại Paula Bidong. Nhìn trở lại thì thấy trại đã vắng người, Thanh chào từ biệt anh lính vội vàng xuống tàu.

Chiếc ghe cuối cùng mà Thanh bước chân lên là chiếc ghe chở cát của người Việt Nam trước đây. Chiếc ghe này trông không đẹp lắm nên ít người chịu lên ghe này thành ra số người trên ghe chỉ có khoảng 40 người trong khi những chiếc ghe khác thì đông gấp đôi. Tổng cộng khoảng 40 ghe, được 3 tàu hải quân Mã Lai kéo ra biển. Ra khơi thì tàu hải quân chạy nhanh hơn nên làm cho nhiều người say sóng, ói mửa...Tàu chạy suốt đêm cho đến sáng hôm sau vẫn còn tiếp tục chạy nhanh. Thanh có cảm giác khác lạ, Thanh cố gắng suy nghĩ xem tàu có đi đúng hướng không? Làm sao mà từ đảo này đến đảo kia đi cả ngày chưa tới?. Thanh tự hỏi, đúng ra là tàu phải chạy về hướng Đông Nam,

nhưng sao lại chạy về hướng Đông Bắc?. Đến 3 giờ chiều, tàu hải quân Mã Lai cắt đứt dây kéo rồi chạy nhanh đi xa, mất hút. “Chết rồi!, Thanh la lên, chúng nó bỏ mình rồi!”... Và rồi cũng giống như lần bị cướp biển trước, chiếc tàu lắc lư trên biển cả, những tiếng la hét thảm thiết bắt đầu vang lên. Chiều đến những cơn sóng bắt đầu đánh mạnh, các tàu trôi dạt đập vào nhau, có chiếc đã chìm, rồi cảnh tượng kêu la cầu cứu inh ỏi vang lên...có người đã chết!. Chiếc ghe của Thanh nhờ ít người hơn nên không có cảnh lao chao, mọi người bình tĩnh hơn, họ lật đặt cắt đứt dây để tách chiếc tàu của mình riêng ra. Sau vài cơn sóng, ghe của Thanh đã rời xa những ghe khác vài trăm mét.

Thanh nhìn thấy nhiều tàu đã chìm, và chắc chắn đã có nhiều người chết. Tàu của Thanh là loại ghe bầu, có đáy sâu, ít người trên tàu, nên chịu đựng nhiều cơn sóng to và mạnh. Khoảnh khắc sau thì mặt biển bình yên. Nhưng tàu thì hư, máy không nổ, không biết hướng đi. Thanh bảo mọi người cùng nhau dùng cái mền cột vào sau ghe làm thành cái buồm, buồm sẽ theo gió chạy nhanh hơn, và ghe cứ thế mà theo chiều gió. Mọi người chỉ biết phó thác số mạng cho Trời mà thôi. Cứ mỗi ngày trôi qua, Thanh lại gạch trên thành tàu một gạch. Bốn ngày sau đó, một chiếc tàu đánh cá Thái Lan loại nhỏ, ép sát vào ghe của Thanh, rồi hai người Thái trên tay cầm dao dài, nhảy lên tàu ra lệnh mọi người nằm xuống để chúng lục soát. Tất cả người trên tàu đều mệt, nằm lả người, tha hồ cho chúng tung hoành. Sau đó, họ chuyển thùng cháo qua cho mọi người ăn, ăn xong mọi người tỉnh táo trở lại. Bọn Thái dồn đàn ông lên mũi tàu, còn khoảng 20 đàn bà thì xuống dưới khoang tàu. Hai tên Thái thì ở trên tàu tiếp tục lục soát, còn 6 tên khác thì ở dưới khoang tàu. Và rồi...chúng hăm hiếp, tôi nghe tiếng rên la cầu cứu thảm thiết của các bà...Chúng lên xuống thay phiên nhau...

Thanh phải chứng kiến cảnh thật đau lòng của những người đàn bà VN chúng ta, đã phải chịu bao nhiêu khổ ải, nhục nhã để đi tìm tự do. Sau trận cướp bóc, bọn cướp về tàu họ và phóng tàu chạy xa.

Chiếc ghe của Thanh tiếp tục trôi theo chiều gió, mọi người nằm yên vì đã quá mệt. Trên tàu bây giờ không còn nước để uống, khát quá, Thanh vớt rong biển ăn cho đỡ đói và khát. Mỗi ngày Thanh ăn 4, 5 lần rong biển để sinh tồn. Sau mấy ngày không ăn, đã có vài người phát điên, nói lảm nhảm. Có một thanh niên ngồi bên cạnh Thanh vì không chịu đựng nổi, anh ta đã tự lao mình xuống biển. Từ đó, mỗi ngày ít nhất có một ghe cướp Thái Lan đến với những hành động tàn bạo như nhau: Cướp bóc và hăm hiếp...nhưng sau mỗi lần cướp bóc xong, chúng đều để lại ít nước uống, và thức ăn. Ngày ngày những hành động này cứ tái diễn, không ai còn sức mà la hét, than khóc gì nữa...chịu đựng và chịu đựng!.

Cướp đến rồi cướp đi. Đến ngày thứ 10, trên ghe Thanh đã có 5 người chết, dĩ nhiên thả xuống biển. Thanh không dám xuống khu khoang tàu vì ở đó hôi hám, nhiều người bệnh đau... ngồi trên tàu có không khí tươi mát hơn. Chiếc ghe trôi theo chiều gió thật chậm, nhưng nhìn lại những lần gạch ngang, Thanh đếm là 20 ngày rồi. Giờ này T không biết trên tàu còn được bao nhiêu người, và ai còn, ai mất vì mọi người kiệt sức nằm la liệt. Thanh thấy chính mình cũng đã mệt, không biết sức lực còn chịu đựng được bao nhiêu ngày nữa?

Cũng may tinh thần Thanh thì vẫn còn tỉnh táo. Mấy ngày hôm nay mặt biển lặng yên, cướp biển không còn. Nước không có để uống, đến độ ai cũng mong cho gặp cướp biển, nó làm gì cũng được, dầu có bị nhồi da xáo thịt cũng cam chịu nhưng ít ra khi rời khỏi chúng còn cho vài chực lít nước uống, vài thứ thức ăn thừa, bằng không chẳng bao lâu mọi người trên tàu sẽ chết hết. Thật trớ trêu! Ngày qua ngày, biển vẫn bình yên, những người trên tàu thì đều quá mệt mỏi, không ai còn sức để cự quạ nữa. Thanh đếm lại những lần gạch trên thành tàu, là 28 gạch, tức 28 ngày chiếc ghe buông trôi theo dòng nước. Sáng sớm ngày thứ 29, vì trời còn tối nên Thanh không thấy gì, nhưng Thanh nghe có tiếng động cơ vọng lại từ xa. Khoảng một giờ sau, thì tiếng động cơ càng lớn dần, Thanh cố gắng nghe có tiếng nói rất rõ hai tiếng: “Ai đó”. Mọi

người trên ghe nhón nháo mừng rỡ la lên cầu cứu. Riêng Thanh vừa mừng vừa lo và nghĩ sao lại là tiếng Việt?, Ghe của người Việt? Hay là chiếc tàu đã trôi trở về bờ biển Việt Nam?. Thanh nghĩ thầm: “Chết rồi!. Coi chừng bị bắt trở lại VN”.

Rồi một ghe đánh cá người Việt áp sát ghe Thanh, họ nói: “Đây là vùng biển của đảo Phú Quý, cách bờ biển Phan Thiết khoảng 250 Km”. Họ cho tàu của Thanh nước uống thức ăn và chăm sóc những người bị bắt tỉnh. Mọi người trên tàu rất cảm động tấm lòng tốt của những người cùng nòi giống Việt. Nhưng khoảng một giờ sau thì ghe Công an đến áp giải mọi người về đảo Phú Quý, tất cả được giam tại đó. Hôm sau tàu đưa mọi người về Phan Thiết. Sau khi vừa đặt chân lên bờ thì Thanh được hướng dẫn thẳng đến nhà giam dành cho những người vượt biên bất hợp pháp!.

Sau một thời gian ở tù, Thanh trốn trại, lặn lội về Sài Gòn. Thanh trở lại chợ trời buôn bán và có cuộc sống bình thường. Nơi đây, Thanh gặp lại người bạn gái năm xưa và hai người lập gia đình. Năm sau, đưa con gái đầu lòng của Thanh chào đời. Đến năm 1984, Thanh được chỉ ruột bảo lãnh đến Canada.

Ghi chú: Bài viết trên được tôi ghi lại theo lời kể của anh Ngô Đề Thanh, em của anh Ngô Đề Hiền, trong thời gian anh Thanh từ Canada du lịch thăm nước Mỹ, anh có ghé thăm gia đình chúng tôi. Ngày nay nhiều người nhắc đến những chuyến vượt biên như một biến cố lịch sử của nước Việt Nam. Anh Hiền ơi, nếu ở một nơi nào đó anh còn nghe được tiếng của bạn bè cũ, xin hãy nhận nơi đây một nén hương tưởng niệm muộn màng. Tôi vẫn nhớ Anh như một người bạn hiền lành của thời tuổi trẻ, những ngày còn đi dưới hàng cây cao của trường Luật, còn nói với nhau về tương lai tươi sáng mà không biết định mệnh đang chờ phía trước. Biển Đông đã mang Anh đi, nhưng không thể mang Anh ra khỏi ký ức của những người còn ở lại. Xin thắp một nén hương đến Anh, cho người vợ hiền và hai cháu nhỏ đã nằm lại giữa biển khơi năm ấy và xin cho những linh hồn người người trên cùng chuyến tàu định mệnh được yên nghỉ đời đời./.



NGÀY GIỖ MẸ

(Ngày Mẹ đi May 11, 2004)

Chuỗi mân cô cầu xin ngày giỗ Mẹ
Từng lời kinh khờ xiết quận lòng đau
Con nguyện xin Thiên Chúa ban phép màu

Cho hồn Mẹ được về nơi Thiên phúc
Chuỗi mân cô lời nhẩn nhủ cầu chúc
Cho những ai nằng lặn hạt mân cô
Là con đường về Nước Chúa an vui
Bao gian khổ trần gian không còn nữa

Đời con người số phần không chọn lựa
Chúa gọi về Mẹ chỉ biết xin vâng
Nhưng tim con đau xót nỗi ngút ngàn
Bao ngày tháng ôm niềm đau nuôi tiếc

Mẹ ra đi lòng con buồn da diết
Mong nỗi đau, bệnh tật sẽ qua đi
Vẫn thơ con khóc Mẹ phút chia ly
Bao thương tiếc vẫn vương niềm .
thương nhớ

Nguyện xin Chúa ban ơn lành cứu độ
Để Mẹ về nước Chúa được bình an
Xin Chúa ban cho Mẹ được Hồng Ân
Vui hưởng phúc nơi Thiên đàng vĩnh .
cửu...

NGUYỄN VĂN THẮNG

VĨNH BIỆT CHỊ LÊ THỊ MINH CHÚC

(Hiền Thê của Ls Ngô Văn Tiệp)



NGUYỄN VĂN BÌNH

Tối chủ nhật ngày 7-6-2026, các con của Ls Ngô Văn Tiệp đã gọi điện thoại báo tin buồn đến vợ chồng tôi. Với giọng nói nghẹn ngào pha lẫn tiếng khóc, các cháu cho tôi biết: “Chú Bình ơi ! Mẹ chúng cháu mới mất vào 7 giờ 25 phút sáng nay. Mẹ cháu ra đi thanh thản trong giấc ngủ tại nhà”.

Các cháu cũng cho tôi biết là từ khi Bố chúng cháu mất (ngày 14-4-2026). Mẹ chúng cháu thường hỏi: Bố đâu rồi? Nhưng chúng cháu không dám nói về sự ra đi của Bố, vì sợ Bà xúc động hại cho sức khỏe. Nhưng sau ngày giỗ 49 ngày (ngày 1-6-2026) của Bố, chúng cháu mới dám nói cho Mẹ chúng cháu biết tin buồn này. Sau khi biết tin thì chỉ hai ngày sau thì tinh thần, sức khỏe của Mẹ chúng cháu suy sụp và đã ra đi theo Bố của chúng cháu.

Đây là một tin buồn to lớn đối với các con, các cháu của anh chị Ngô Văn Tiệp & Lê Thị Minh Chúc. Vì chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng mà các con, các cháu của anh chị Tiệp phải gánh chịu đến hai đại tang là mất cả Bố, Mẹ và ông bà Nội, Ngoại kính yêu. Quả là một nỗi mất mát quá lớn lao.

Nhớ lại trước đây, Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali đã rất vui đón mừng hai anh chị Ngô Văn Tiệp & Lê Thị Minh Chúc vào sinh hoạt với các anh chị em cựu sinh viên Luật Khoa từ năm 2010 đến nay. Ls Ngô Văn Tiệp là một trong ba vị cố vấn của hội. Cả hai anh chị Tiệp & Chúc rất cởi mở, vui vẻ và hòa mình cùng



Anh chị Ngô Văn Tiệp & Lê Minh Chúc

với các anh chị em trong hội, nên được mọi người rất quý mến.

Chúng tôi có thể nói rằng, trong nhiều cặp vợ chồng thành viên của hội, thì cặp vợ chồng anh chị Ngô Văn Tiệp & Lê Thị Minh Chúc có mối tình thật đẹp khó có cặp vợ chồng nào sánh bằng.

Tôi còn nhớ vào ngày họp mặt kỷ niệm ngày cưới cho các cặp vợ chồng trong Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali vào năm 2014, Ls Ngô Văn Tiệp đã nhắc lại những kỷ niệm đẹp của vợ chồng anh. Anh Tiệp cho biết tại Hà Nội, anh học trên chị Chúc một lớp và anh thấy yêu mến chị Chúc ngay ngày lần đầu gặp gỡ, nhưng anh không dám tỏ tình. Anh phải nhờ bạn bè tìm hiểu về chị. Anh Tiệp sau đó mới biết tên của nàng là Lê Thị Minh Chúc và nhà ở phố Hàng Bạc tại Hà Nội,

Biến cố 1954 xảy ra, chia đôi đất nước, cả hai gia đình đều di cư vào Nam làm anh Tiệp mất tin tức của chị Chúc. Vào Nam thì anh Tiệp học trường Chu Văn An, còn chị Chúc học trường Trưng Vương, nhưng chưa liên lạc được nhau. Vào năm 1962 sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật, anh liền ghi danh học thêm vào đại học Văn Khoa với mục đích tìm chị Chúc. Vì anh Tiệp nghĩ rằng chị Chúc là người yêu



thích văn chương thì sẽ ghi danh học ở Văn Khoa. Một hôm, lúc giờ ra chơi, anh Tiệp ra đứng ngắm các cô sinh viên thì đột nhiên anh thấy được hình bóng của người con gái mà mình yêu mến từ lâu. Anh Tiệp vội vàng đến hỏi thì đúng là chị Chúc. Sau một thời gian

quen biết, anh Tiệp liền về nhà xin phép Cha Mẹ cho biết là anh đã tìm được người yêu và muốn lập gia đình với chị Chúc. Đám cưới của anh chị Tiệp & Chúc được tổ chức vào ngày Tết Dương Lịch 1-1-1967 tại Sài Gòn.

Được biết chị Lê Thị Minh Chúc sanh ngày 7-1-1940 tại Hà Nội và di cư vào Nam năm 1954. Chị Chúc lần lượt học tại trường Trưng Vương và đại học Văn Khoa ở Sài Gòn. Chị Chúc dạy Việt Văn tại các trường trung học Trung Thu trước biến cố 30-4-1975 và sau đó tại các trường trung học Tiền Giang, Rạng Đông và Bàn Cờ.

Sau biến cố Quốc Hận 30-4-1975, anh và gia đình bị kẹt lại VN. Anh Tiệp bị CSVN bắt đi tù khổ sai từ Nam ra Bắc, suýt bị chúng xử bắn hai lần. Việc này ảnh hưởng đến sức khỏe của anh rất nhiều. Sau này, anh cùng chị Chúc và gia đình qua Mỹ theo diện H.O. vào năm 1991.

Theo lời của cháu Ngô Lê Minh Châu thì Ls Ngô Văn Tiệp vào ngày 30-4-1975 anh và gia đình đã lên tàu Trường Xuân để di tản, nhưng khi thấy vợ mình đang mang bầu, đi đứng khó khăn nên anh vì lo lắng cho sức khỏe của vợ và đứa bé nên lại xuống tàu. Ngoài ra, anh Tiệp cũng lo nghĩ đến Mẹ già không ai săn sóc nên vì chữ hiếu anh đã quyết định ở lại quê nhà.

Thời gian Ls Tiệp đi tù khổ sai 10 năm nhất là thời gian ở ngoài Bắc thật là khổ sở. Ls Tiệp bị bọn cai tù đánh đập, biệt giam và cùm chân nên anh không đi đứng được. Khi vợ con



ra thăm nuôi anh ở ngoài Bắc, anh chỉ có thể bò lết với thân thể gầy ốm, tiêu tụy ra gặp mặt vợ con của mình. Khi ấy, chị Chúc nhìn không ra chồng mình cho đến khi anh Tiệp lén tiếng gọi tên vợ mình.

Những năm anh Tiệp bị tù tội, một mình chị Chúc ngoài việc dạy học kiếm tiền, còn phải xoay sở bán các món vật dụng trong nhà để có tiền nuôi các con và ra thăm nuôi chồng. Thật là một điều thật đau lòng, khi chị Chúc đã phải bán cả chiếc nhẫn cưới kim cương của mình với nước mắt tuôn trào để có tiền nuôi chồng, nuôi con.

Cháu Minh Châu cho tôi biết khi qua Mỹ, anh Tiệp cố gắng mua một chiếc nhẫn hột xoàn khác để an ủi vợ mình. Nhưng chị Chúc nói rằng chị vẫn còn tiếc chiếc nhẫn cưới với bao kỷ niệm đẹp qua nhiều năm sống hạnh phúc của vợ chồng chị.

Qua Mỹ, anh chị Tiệp & Chúc định cư tại San Jose. Chị Chúc tiếp tục dạy Việt ngữ tại chùa Quán Thế Âm và chị làm Hiệu Trưởng của lớp dạy Việt ngữ cho các em VN.

Những ngày tháng cuối đời của anh chị Tiệp & Chúc cũng để lại hình ảnh thương yêu trân quý. Vào khoảng tháng 3 năm 2026, chị Chúc bị stroke nên không thể đi đứng. Anh Tiệp sức khỏe cũng suy kém đi đứng khó khăn. Các con của anh chị đã phải thuê hai cái giường nhà thương cho cả Bố Mẹ mình. Anh Tiệp yêu

cầu các con phải đặt giường của anh bên cạnh giường của chị Chúc. Anh nói với các con: Bố phải nằm cạnh và nắm tay Mẹ thì Bố mới yên tâm ngủ được. Quả thật anh chị Tiệp & Chúc luôn luôn kề cận bên nhau.

Chúng tôi có đi dự tang lễ của anh Ngô Văn Tiệp tại chùa Quán Thế Âm vào ngày 8-5-2026 cùng lễ an táng vào ngày 9-5-2026 tại nghĩa trang Oak Hill cùng Lễ Giỗ 49 ngày cho anh Tiệp tại chùa Quán Thế Âm. Có thể nói điều đau buồn nhất đối với chị Chúc là vì bị stroke nên chị không thể đi đứng để đến nhỏ giọt nước mắt và nói lời tiễn biệt cuối cùng bên quan tài của người chồng kính yêu của mình. Riêng anh Tiệp, ngoài các con, các cháu cùng bạn bè thăm viếng, thì người mà anh mong đợi nhất đến viếng thăm anh phải là người yêu, người vợ yêu dấu suốt đời của anh đã không thể hiện diện.

Có thể nói cuộc tình của anh chị Ngô Văn Tiệp & Lê Thị Minh Chúc quá đẹp. Tình yêu của hai anh chị dành cho nhau thật trọn vẹn trên cả hai phương diện Tình & Nghĩa. Dù cuộc tình của anh chị phải trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của đất nước cũng như của cuộc sống tỵ nạn tại Hoa Kỳ, anh chị luôn kề cận bên nhau trong lúc sống cũng như khi lìa đời

Anh chị Tiệp & Chúc ra đi để lại 4 người con và 7 cháu nội, ngoại.

Thay mặt cho các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali, chúng tôi xin chia buồn đến gia đình của các cháu Ngô Lê Minh Phương, Ngô Lê Bảo Trân, Ngô Lê Mạnh Tường, Ngô Lê Minh Châu và gia đình của Ls Ngô Văn Quang, bào huynh của anh Tiệp. Nguyên xin hương linh của hai anh chị Ngô Văn Tiệp & Lê Thị Minh Chúc được về hưởng Cõi Phúc đời đời.

Tất cả các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali luôn nhớ đến anh chị./.

San Jose, ngày 8-6-2026

**NGUYỄN VĂN BÌNH
MÃ PHƯƠNG LIỄU**

SAIGON KỶ NIỆM



Tôi ra đi, vẫn chưa lần trở lại
Saigon ơi! Niềm thương nhớ khôn
nguôi
Thuở bên em còn ghi dấu nụ cười
Tuổi hồn nhiên, tóc demi ngày trước

Tôi ra đi, mang theo giòng lệ ướn
Xa quê nhà, xa bè bạn thân yêu
Sầu vẩn vương, buồn dâng nhớ thật
nhiều
Sao kỷ niệm vẫn hoài theo ta mãi ?

Tôi vẫn mơ, những tháng ngày còn lại
Đi bên người ...từng con phố thân
quen
Có khi mưa nặng hạt suốt thâu đêm
Cho tôi nhớ ...tháng năm dài hò hẹn

Tôi ra đi, em nhìn tôi e thẹn
Đã cùng ai tìm nhặt cánh phượng rơi
Mái trường xưa chung bước của một
thời
Bao kỷ niệm khi tình yêu chợt tắt

Nỗi buồn mãi trong tôi sầu héo hắt
Thử hỏi lòng bao giờ hết thương đau
Saigon ơi! Còn đâu phút ban đầu
Hình bóng đó! Sao hoài ta mong
đợi...?

Tôi ra đi ... như thấy mình lạc lối
Bỏ lại nhiều kỷ niệm thuở bên nhau
Con phố yêu, nụ hôn ấm hôm nào
Saigon mãi ...bao giờ tôi quên được...

NGUYỄN VĂN THẮNG